

TỪ ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA 2020, TÌM HIỂU NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC ĐẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO VIÊN TIẾNG ANH

FROM THE NATIONAL PROJECT OF FOREIGN LANGUAGES 2020, STUDYING THE POSITIVE IMPACTS ON ENGLISH TEACHERS' QUALITY

Phan Văn Hòa

Đại học Đà Nẵng, hoauini@gmail.com

Tóm tắt - Để minh chứng rằng Đề án Ngoại ngữ Quốc gia (NNQG) 2020 ảnh hưởng tốt đến chất lượng dạy và học ngoại ngữ, bài báo này khái quát cơ bản mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án. Sau đó nghiên cứu các nhóm yếu tố tác động đến chất lượng của đội ngũ giáo viên tiếng Anh (GVTA). Những yếu tố này chính là xây dựng các chương trình bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ, nghiệp vụ sư phạm, nâng cao kiến thức, các kỹ năng thực hành, và rà soát, đánh giá họ để giúp họ biết được năng lực thực sự của mình để phấn đấu đạt được chuẩn mực cần thiết mà xã hội và thực tế yêu cầu. Quá trình khảo sát, đánh giá giáo viên và học sinh cũng chính là bước nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Cuối cùng, bài báo đưa ra một số đề xuất để tiếp tục thực hiện Đề án và nâng cao chất lượng giáo viên tiếng Anh hơn nữa.

Từ khóa - đề án; phương pháp; chất lượng; giáo viên tiếng Anh; năng cao.

1. Đặt vấn đề

Cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, hội nhập trở thành một yêu cầu bức thiết và cũng đầy thách thức. Nhất là khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO, phát triển ngoại ngữ, đứng đầu là tiếng Anh, là một trong những bước đi chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đề án NNQG 2020 được Chính phủ phê duyệt, đã tạo ra những yếu tố quan trọng tác động sâu rộng nhất từ trước đến nay nhằm đẩy mạnh chất lượng đào tạo ngoại ngữ, trước hết là chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh. Nghiên cứu những yếu tố quan trọng này sẽ góp phần xác định rõ hơn các nhóm nhiệm vụ và những giải pháp của Đề án đang được thực hiện nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ từ đây đến khi kết thúc Đề án năm 2020.

Bài viết này sẽ (1) tìm hiểu một cách cơ bản mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án, (2) các nhóm yếu tố tác động tích cực, trong đó (a) yếu tố xây dựng chương trình, (b) bồi dưỡng GVTA, (c) rà soát, đánh giá năng lực và (d) xây dựng hệ thống kiểm định, đánh giá GVTA và cuối cùng (3) đề xuất và kiến nghị.

2. Cách tiếp cận

Phân tích, tìm hiểu 3 nhóm nội dung cốt lõi của Đề án NNQG 2020: Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp.

Nghiên cứu các hoạt động thực tiễn của Đề án, nhất là tiếp cận đến các quá trình thực thi các nhiệm vụ của Đề án

Bài báo sẽ căn cứ vào số liệu điều tra từ các nhóm đối tượng liên quan để khẳng định các yếu tố nghiên cứu thực sự tác động đến chất lượng GVTA.

Abstract - To prove that the National Project of Foreign Languages 2020 affects teaching and learning English in a better way, this paper generalizes the aims and objectives, the tasks and the solutions of this Project. Then, it investigates the groups of factors that positively impact on English teachers' quality. These groups of factors are building the curriculum of improving English teachers' language performance and professionalism, giving them more chance to increase their knowledge and skills by carrying out the curriculum, helping them identify their real levels English to try to reach the required standard. The last group is to prepare the system of testing and evaluating teachers and learners of English for making English learning – teaching process better. In conclusion, the writer suggests some ideas to implement the Project as it is expected: having strategic and concrete plans to make the project more effective by drawing experiences from having realized the Project and consolidating the group of consultants.

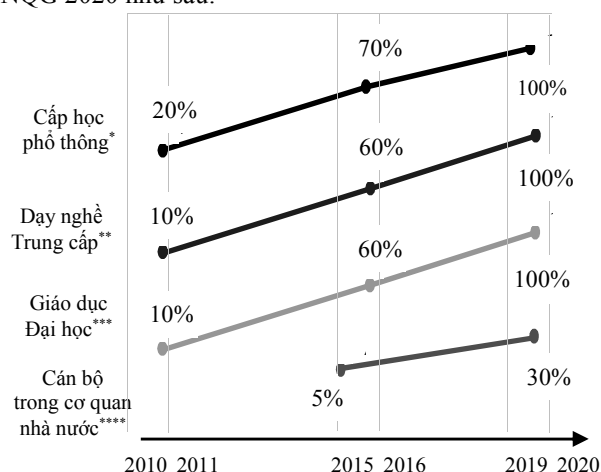
Key words - project; methods; quality; English teachers; improve.

3. Những nội dung cốt lõi của Đề án NNQG 2020

3.1. Mục tiêu của Đề án NNQG 2020

Nghiên cứu hơn 30 văn bản chỉ đạo về phát triển ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Chính phủ từ năm 1975 đến nay chưa có văn bản nào xác định mục tiêu vừa mang tính chiến lược tầm cỡ vừa mang tính cụ thể như Đề án NNQG 2020.

Có thể khái quát nội dung các mục tiêu của Đề án NNQG 2020 như sau:



Hình 1. Các mục tiêu Đề án NNQG 2020

*Tỷ lệ số lượng học sinh lớp 3 được dạy ngoại ngữ theo chương trình mới;

**Tỷ lệ số lượng học sinh dạy nghề, trung cấp được học chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ;

***Tỷ lệ số lượng sinh viên được học chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ;

****Tỷ lệ số cán bộ trong cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên.

3.2. Nhiệm vụ của Đề án NNQG 2020

Đề án NNQG 2020 bao gồm 7 nhiệm vụ lớn, có thể khái quát như bảng dưới đây:

NV1	Các ngoại ngữ: Tiếng Anh, ...					
NV2	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
NV3	Cấp học phổ thông					
	Tiểu học	THCS	THPT			
NV4	Trung cấp và dạy nghề					
	Dạy nghề	TCCN				
NV5	Giáo dục Đại học, Cao đẳng					
	Không chuyên ngữ	Chuyên ngữ Cao đẳng	Chuyên ngữ Đại học			
NV6	Giáo dục thường xuyên: Trình độ năng lực ngoại ngữ phải tương đương với trình độ đào tạo theo hình thức chính quy tương ứng ở các cấp học, trình độ đào tạo.					
NV7	Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá, khảo thí, kiểm định chất lượng ngoại ngữ					

Bảng 1. Khái quát 7 nhiệm vụ của Đề án NNQG 2020

3.3. Giải pháp của Đề án NNQG 2020

Nghiên cứu 6 giải pháp của Đề án NNQG 2020, chúng ta nhận thấy rằng, mỗi giải pháp lại mang nhiều phương thức để thực hiện nhiệm vụ của Đề án hiệu quả. Và như vậy sẽ tác động tích cực đến chất lượng GVTA.



Hình 2. Tóm tắt 6 giải pháp thực hiện Đề án NNQG 2020

4. Những yếu tố tác động đến chất lượng GVTA

Trước khi xét đến các yếu tố tác động đến chất lượng GVTA, chúng ta cần điểm qua vài nét về tình hình chất lượng hiện nay của GVTA.

4.1. Thực trạng chất lượng GVTA

Những nghiên cứu [5], [6], [10] trong thập kỷ từ 2001-

2011 cho thấy chưa có các chương trình đào tạo chuẩn, thống nhất về đào tạo GVTA các cấp phổ thông trong tất cả các cơ sở đào tạo sư phạm tiếng Anh trong toàn quốc. Điều này dẫn đến chỗ có thể chuẩn về người giáo viên nói chung nhưng chưa chuẩn về giáo viên dạy tiếng Anh trong giai đoạn mới. Vì vậy đã có nhiều kết luận từ các công trình nghiên cứu [7], [9], nhất là tình hình dạy tiếng Anh ở phổ thông, có thể tóm tắt sau: “Nhìn lại hàng chục năm nay, dạy ngoại ngữ phổ thông... chỉ mới cung cấp cho học sinh hệ thống các quy tắc ngữ pháp, số lượng từ cơ bản, chút ít kỹ năng thực hành chấp và...” [8]. Mới nhất là những năm gần đây, công tác rà soát của Đề án được thực hiện, cho thấy:

“Kết quả rà soát trình độ năng lực ngoại ngữ của 10.161 GVTA các cấp trên 10 tỉnh cho thấy đến 97% giáo viên tiểu học, 93% GVTA trung học cơ sở (THCS) và 98% GVTA trung học phổ thông (THPT) chưa đạt chuẩn năng lực tiếng Anh.” [3]

Lược qua những vấn đề thực trạng đội ngũ GVTA [3], chúng ta thấy rằng Đề án, khi đã hoạt động, thực sự đã tạo nên hệ thống các yếu tố tác động tích cực đến chất lượng GVTA như sau:

4.2. Tác động từ các chương trình, hội thảo về đào tạo, bồi dưỡng

Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn GVTA:

- Xây dựng khung chương trình cử nhân tiếng Anh ngành sư phạm tiểu học và tổ chức đào tạo GVTA bậc tiểu học;
- Xây dựng, thẩm định và đưa vào sử dụng chương trình “*Phương pháp giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học*”;
- Hội thảo về chuẩn năng lực giáo viên tiếng Anh;
- Xây dựng chương trình phương pháp giảng dạy tiếng Anh bậc THCS;
- Xây dựng phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên giáo dục chuyên nghiệp;

Từ rất lâu, GVTA ở bậc giáo dục chuyên nghiệp được đánh giá là quan trọng và nhất thiết phải được bồi dưỡng [7], đưa tầm chất lượng cao hơn để họ có thể đào tạo một đội ngũ nhân lực ngành nghề tốt cho đất nước, nhất là trong giai đoạn hội nhập nguồn nhân lực lao động trong khu vực và trên thế giới. Chương trình này như một dấu ấn làm đậm thêm bức tranh chất lượng lâu dài cho GVTA ở giáo dục chuyên nghiệp.

- Xây dựng chương trình phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho giảng viên đại học, cao đẳng không chuyên;
- Xây dựng chương trình phương pháp giảng dạy tiếng Anh bậc THPT;

Như vậy, các nhiệm vụ xây dựng một số chương trình đào tạo và bồi dưỡng đã tạo ra dãy chỉ số tiềm năng nâng cao chất lượng GVTA trong khu vực và cả nước.

Một dãy chỉ số tiềm năng khác, mới và mang tính hiệu quả cao trong quá trình nâng cao chất lượng GVTA là xây dựng các chương trình ứng dụng công nghệ như sau:

- Xây dựng chương trình học kết hợp;
- Biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo năng lực tiếng Anh trực tuyến các bậc 1,2,3,4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc;
- Biên soạn chương trình dạy – học trực tuyến;

- Xây dựng chương trình chuẩn công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ.

Từ khi Chính phủ và Bộ GD&ĐT chỉ đạo đổi mới toàn diện và căn bản nền giáo dục Việt Nam, ứng dụng công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ trở thành nhiệm vụ quan trọng và phải tiến hành càng sớm càng tốt. Đây cũng là bước bứt phá để sớm tạo ra một chỉ số nâng cao chất lượng cho GVTA và cho người học tiếng Anh.

Ngoài ra, Đề án đã chỉ đạo xây dựng được 4 chương trình bồi dưỡng trên truyền hình và qua mạng, bao gồm:

- “Shaping the way we teach”;
- “Motivating learning”;
- Giới thiệu về khung tham chiếu châu Âu;
- Phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ em.

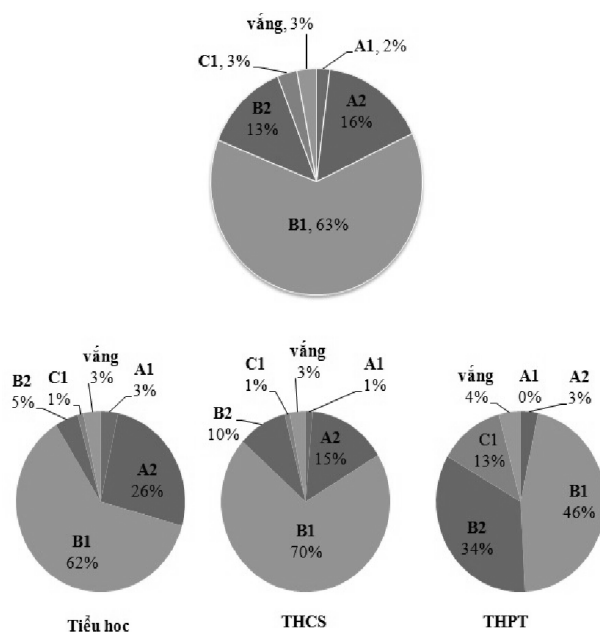
4.3. Tác động từ rà soát năng lực GVTA

Rà soát, kiểm tra, đánh giá để nắm được chất lượng có thực của GVTA có ý nghĩa to lớn trong kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo. Đứng ở góc độ nâng cao chất lượng GVTA, rà soát vẫn có thể tạo ra hiệu ứng tốt, tạo ra các yếu tố cấu thành chất lượng cho GVTA. Trong một điều tra phỏng vấn hơn 300 GVTA về vấn đề này, kết quả như sau:

Bảng 2. Kết quả điều tra phỏng vấn 300 GVTA

STT	Câu hỏi	Số người trả lời (/300)
1	Thời gian Anh chị chuẩn bị tối thiểu là	
	a. Từ 1-3 tháng	230
	b. từ 4 – 6 tháng	30
	c. 7-12 tháng	40

Như vậy, trên 70% GVTA có chuẩn bị tự ôn tập để dự thi. Thời gian tối thiểu là một tháng. Đây là tham số cho thấy tiềm năng chất lượng được thêm vào cho bản thân học trước khi dự rà soát.



Hình 3. Kết quả khảo sát năng lực GVTA tỉnh Bình Định

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHNN – ĐHDN) từ năm 2012 đến 2014 đã tổ chức gần 50 đợt khảo sát cho gần 10.000 lượt GVTA ở các cấp độ tiểu học, THCS,

THPT, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học, trên địa bàn 10 tỉnh thành ở khu vực Miền Trung - Tây nguyên: Daklak, Gia Lai, Kontum, Đà Lạt, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Đà Nẵng, Hà Tĩnh...

Có thể lấy kết quả khảo sát của một vài đơn vị cụ thể, Hình 2.

4.4. Tác động từ bồi dưỡng GVTA

4.4.1. Bồi dưỡng giáo viên ở trong nước

Tính đến 30/9/2013, theo báo cáo của Đề án, ở 42 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tỷ lệ GVTA phổ thông chưa đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo quy định vẫn rất cao. Cụ thể là gần 75% GVTA tiểu học và gần 90% GVTA THPT chưa đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ.

Trường ĐHNN - ĐHDN từ 2012 đến 2014 đã tổ chức 25 lần bồi dưỡng cho hơn 3.600 GVTA các cấp từ tiểu học đến đại học. Khi khảo sát năng lực đầu vào để bồi dưỡng chỉ đạt 10% chuẩn theo yêu cầu. Số còn lại sau khi được bồi dưỡng đạt 50% chuẩn theo yêu cầu. Như vậy bồi dưỡng là chỉ số để nhận ra nhất để khẳng định là Đề án đã tác động khá lớn đến chất lượng của GVTA theo hướng hiệu quả nhất.

Dưới đây là một ví dụ, khảo sát cho thấy:

Phiếu được xây dựng gồm 24 câu hỏi cứng và 03 câu hỏi mở, bao gồm các nội dung: Chương trình bồi dưỡng, năng lực, phương pháp, sự nhiệt tình của đội ngũ giảng viên, chất lượng các hoạt động quản lý và phục vụ đào tạo của nhà trường.

Các câu hỏi có 05 mức độ lựa chọn: (1) - Hoàn toàn không đồng ý; (2) - Không đồng ý; (3) - Không có ý kiến; (4) - Đồng ý; (5) - Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả thu được của cuộc khảo sát như sau: số lượng phiếu gửi đi: 77, số lượng phiếu thu về: 77 (100%). Kết quả: 100% người được khảo sát đều đồng ý và đánh giá cao chất lượng đào tạo của nhà trường theo Đề án NNQG 2020.

Về chương trình bồi dưỡng: Chương trình bồi dưỡng thực sự cần thiết đối với học viên (38.6% đồng ý và 47.1% hoàn toàn đồng ý); 58.6% học viên cho rằng chương trình đã cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết, phù hợp với mục đích bồi dưỡng GVTA trên cả nước (44.3% đồng ý và 14.3% hoàn toàn đồng ý). Các hoạt động trong từng buổi học được đánh giá cao vì được tổ chức đa dạng, tạo hứng thú cho học viên và phù hợp với hiểu biết và kinh nghiệm của học viên (54.5% đồng ý, 50.0% đồng ý).

Tuy nhiên, để phân bổ nội dung chương trình đầy đủ yêu cầu, phải sắp xếp lịch học phù hợp khiến học viên tại Đà Nẵng vừa đi dạy, vừa đi học nên cảm thấy rằng chương trình có khối lượng không phù hợp với thời lượng quy định, thể hiện ở tỷ lệ 44.5% hoàn toàn không đồng ý với tiêu chí này.

Về đội ngũ giảng viên: Hầu hết học viên đánh giá cao kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy, sự nhiệt tình của giảng viên thể hiện tỷ lệ % đồng ý và hoàn toàn đồng ý (mức 4 và 5) với các tiêu chí liên quan đến chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên: 52,9% đồng ý và 32,9% hoàn toàn đồng ý rằng hầu hết giảng viên có kiến thức chuyên môn, sâu rộng, cập nhật; 54,3% đồng ý và 27,1% hoàn toàn đồng ý rằng hầu hết giảng viên có phương pháp sư phạm tốt, đạt hiệu quả cao; 61,4% đồng ý và 24,3% hoàn toàn đồng ý rằng hầu hết giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng hỗ trợ học viên; 52,9% đồng ý và

21,4% hoàn toàn đồng ý rằng hầu hết giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy; 57,4% đồng ý và 31,4% hoàn toàn đồng ý rằng giảng viên sử dụng hiệu quả công cụ dạy học; 32,9% đồng ý về mức độ đáp ứng của toàn bộ các hoạt động của khóa tập huấn.

Về mức độ đáp ứng của khóa học: Kết quả trên cho thấy, đợt bồi dưỡng đạt được mục tiêu đề ra, đáp ứng được nhu cầu và kỳ vọng của học viên trước khi tham gia khóa học. Cụ thể: 75,7% học viên cho rằng khóa học đã cung cấp đủ những kiến thức cần thiết; 97,2% cho rằng tài liệu hỗ trợ khóa học được cung cấp đầy đủ, nội dung rõ ràng; 82,8% nhận định khóa bồi dưỡng đã giúp học viên phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp. Tuy nhiên do độ tuổi của đa phần học viên tham dự khóa bồi dưỡng khá cao, có học viên đã 51 tuổi, ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu và thời gian nghiên cứu, học tập của học viên, vì vậy chỉ có 40,0% đồng ý rằng khóa bồi dưỡng phù hợp với khả năng của học viên và 37,2% đồng ý với nhận định khóa bồi dưỡng phù hợp với độ tuổi của học viên; 50,0% học viên cho rằng khóa bồi dưỡng này đã đáp ứng được kỳ vọng của bản thân học viên trước khi tham gia khóa học.

4.4.2. Bồi dưỡng giáo viên ở nước ngoài

Trong phần 2 của giải pháp trong Đề án NNQG 2020 có nhấn mạnh: Khuyến khích bồi dưỡng giáo viên qua các khóa tập huấn quốc tế trong nước và nước ngoài, được cấp chứng chỉ quốc tế. Vì vậy, năm 2012, Đề án đã nhanh chóng đưa 157 người, trong đó có 78 GVTA và 79 giảng viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc có khả năng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh đi bồi dưỡng ở một số nước. Năm 2013 và 2014 đã thực hiện kế hoạch bồi dưỡng tại nước ngoài, chủ yếu theo hình thức kết hợp tổ chức bồi dưỡng định hướng trong nước và bồi dưỡng ở nước ngoài.

4.5. Các chỉ số và minh chứng khác

Trong những nội dung khảo sát hơn 1500 GVTA, 300 GVTA được rà soát, 150 GVTA chủ chốt, và 50 nhà lãnh đạo, quản lý và triển khai Đề án, ở 13 đơn vị Sở GD&ĐT các tỉnh và một số trường, chúng tôi xác định được các yếu tố tác động qua các công cụ: (1) Bảng câu hỏi cho GVTA với tư cách là đối tượng nghiên cứu (1500 phiếu); (2) Bảng câu hỏi cho GVTA với tư cách là chuyên gia, cán bộ nòng cốt tham gia bồi dưỡng cho đối tượng nghiên cứu (150 phiếu); (3) Bảng câu hỏi cho cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục và xã hội (50 phiếu). Qua đó, chúng tôi có được những nội dung của các chỉ số hoặc nhân tố tác động ảnh hưởng, hoặc khẳng định đề án có tác động ảnh hưởng đến chất lượng GVTA như sau:

- 85% GVTA nhận thức rằng họ cần phải được bồi dưỡng để nâng cao chất lượng;

- 90% các nhà quản lý cho rằng rà soát mang lại chất lượng bởi vì rà soát cho biết năng lực thực sự của GVTA đang ở đâu, và chỉ cho họ biết họ cần phải bồi dưỡng, tự rèn luyện;

- 80% GVTA đã được bồi dưỡng cho rằng bồi dưỡng mang lại chất lượng cho chính họ;

- 86% cán bộ quản lý, GVTA, và dư luận xã hội cho rằng rà soát và bồi dưỡng đã tác động tốt đến chất lượng GVTA;

- 71% các bài báo cho rằng Đề án NNQG 2020 đã tác

động đến chất lượng GVTA;

- 97% GVTA cốt cán tham gia bồi dưỡng năng lực, phương pháp giảng dạy cho GVTA chưa đạt chuẩn cho rằng các chương trình bồi dưỡng thực sự đã tác động tốt đến chất lượng GVTA.

5. Kết luận

Bài báo tập trung phân nghiên cứu quan trọng nhất: những yếu tố tác động ảnh hưởng đến chất lượng GVTA. Dựa trên các kết quả nghiên cứu về thực trạng đội ngũ giáo viên, bài báo đã chỉ ra được hệ thống những yếu tố tác động tốt đến chất lượng GVTA trong khuôn khổ các hoạt động của Đề án NNQG 2020.

Trước hết là các chương trình, hội thảo, về đào tạo và bồi dưỡng. Hàng chục chương trình bồi dưỡng và đào tạo chuẩn nhằm triển khai để nâng cao chất lượng cho GVTA về cả hai mặt: Năng lực ngôn ngữ và nghiệp vụ sư phạm. Hệ thống chương trình như vậy được các cơ sở đại học dạy và học ngoại ngữ uy tín của đất nước biên soạn dưới sự chỉ đạo và thẩm định của các hội đồng Quốc gia do Bộ GD&ĐT quyết định.

Rà soát năng lực cũng có những giá trị đích thực trong quá trình tác động tốt đến chất lượng. Bài báo cho thấy qua hàng trăm cuộc rà soát, các tỉ lệ đạt, không đạt, các thang bậc xếp loại đã cho đội ngũ GVTA và các nhà lãnh đạo quản lý nhìn nhận một cách khách quan và rõ ràng hơn về thực lực của bản thân GVTA. Điều quan trọng hơn nữa là chính họ cũng nhận ra mình đang ở đâu trong khung chất lượng chung của người GVTA trong giai đoạn hội nhập và phát triển.

Hoạt động bồi dưỡng là yếu tố tác động mang tính bền vững trong quá trình nâng cao chất lượng cho GVTA. Nghiên cứu cho thấy đến nay Đề án đã bồi dưỡng ba nội dung quan trọng là bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ, bồi dưỡng nghiệp vụ trong đó có bồi dưỡng ứng dụng công nghệ vào dạy và học ngoại ngữ và bồi dưỡng quy trình, nội dung và cách thức thực tiễn hành khảo thí. Số lượng GVTA tham gia bồi dưỡng đã lên đến khoảng 40.000 GV trên 100.000 GVTA các cấp. Đưa GVTA đi bồi dưỡng ở nước ngoài cũng là một chỉ số quan trọng nâng cao chất lượng. Nhưng con số còn rất hạn chế, đến nay chưa đến 200 người.

Bài báo cũng phân tích tìm ra các chỉ số và minh chứng khác để chứng tỏ rằng còn có những yếu tố tác động đến chất lượng GVTA. Toàn bộ hoạt động của Đề án đều nhằm nâng cao chất lượng và khẳng định rằng bồi dưỡng, thực hiện các khung chương trình, rà soát, đánh giá,... đều là những hoạt động tác động thường trực vào chất lượng của GVTA. Trong các yếu tố đó, yếu tố nhận thức về nội dung Đề án, về yêu cầu chuẩn GVTA, về bồi dưỡng, khảo sát, về nhiệm vụ và vai trò của GVTA và những nhà lãnh đạo, quản lý đóng vai quan trọng trong quá trình tác động đến chất lượng của GVTA.

Những đề xuất, kiến nghị

Các chỉ số khảo sát cho thấy hơn 50% ý kiến được khảo sát cho biết xây dựng chương trình, rà soát, bồi dưỡng,... là những yếu tố tác động lớn đến chất lượng GVTA.

Tuy nhiên, cho đến nay còn một số vấn đề cần phải giải quyết để tăng cường tính hiệu quả của Đề án NNQG 2020:

- Tổ chức rút kinh nghiệm, xem xét lại các chương trình

đã được sử dụng, các khóa bồi dưỡng...

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể, nhất là ở từng Sở GD&ĐT và các cơ sở đào tạo tiếng Anh về việc khảo sát và nâng chuẩn cho toàn bộ GVTA;

- Trong tổ chức rà soát, cần xem xét lại một cách nghiêm túc các đơn vị đã tổ chức rà soát;

- Nhanh chóng xây dựng mạng lưới khảo thí chung và khách quan;

- Củng cố đội ngũ tư vấn nhất là chuyên môn cho Đề án;

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và thiết thực, có tính khả thi cao để chủ động triển khai những nhiệm vụ của Đề án.

Trong giới hạn cho phép, bài báo khảo sát và chỉ ra được hệ thống những yếu tố tác động tích cực đến chất lượng GVTA. Bài báo cũng dẫn ra một số đề xuất nhằm tiếp tục đưa hoạt động Đề án đi đúng hướng như được chỉ đạo và sẽ tạo ra hiệu quả nhiều hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo Tổng kết giáo dục Đại học năm học 2006-2007 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2007-2008*, Tháng 2-2007.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Đại học – Trường CBQL Giáo dục và Đào tạo, *Giáo dục học Đại học, Quyển 1: các tài liệu chính, Hà Nội – 1997*.
- [3] Bộ Giáo dục & Đào tạo: *Hội nghị giao ban Đề án NNQG 2020 triển*

khai thực hiện đề án giai đoạn 2011-2013, Định hướng nhiệm vụ trọng tâm 2014-2015, Đà Nẵng 12/2013.

- [4] Dương Mộng Hà, *Nghiên cứu đánh giá tác động của chương trình TRIG đến việc đổi mới nghiên cứu và giảng dạy tại Đại học Đà Nẵng, 6/2012*. (Báo cáo đề tài khoa học cấp Bộ, 2012)
- [5] Ngô Thị Thanh Nhung, *Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng dạy- học ngoại ngữ trong các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*. (Báo cáo đề tài khoa học cấp thành phố, 2005).
- [6] Phan Văn Hòa, *Đánh giá năng lực đội ngũ giáo viên tiếng Anh ở thành phố Đà Nẵng*. (Báo cáo đề tài khoa học cấp thành phố 2010).
- [7] Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp. (Báo cáo và khuyến nghị của Chủ tịch Ngân hàng phát triển Châu Á, 11/2006).
- [8] Đỗ Thị Châu, *Đào tạo giáo viên ngoại ngữ phổ thông cho thập kỷ đầu thế XXI, ĐHNN-ĐHQGHN*, Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 1/2001.
- [9] Đỗ Thị Châu, *Chuẩn đánh giá và công cụ đo trong đào tạo cử nhân ngoại ngữ - lý luận và thực tiễn*, Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 8/2005.
- [10] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1400/QĐ-TTg, về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2010”*.
- [11] Arthur Hughes, *Testing for Language Teachers*, Cambridge University Press, 1989.
- [12] Asian University Network -Quality Assurance, *Manual for the implementation of the guidelines*.
- [13] Cyril J. Weir, *Communicative Language Testing*, Prentice Hall, 1990.
- [14] David Crystal, Alan Pulverness and Jane Revell, *English Teaching Professional*, University of Cambridge, 2000.
- [15] Ministry of Education Malaysia: *Pedagogy Standards for English Language Teaching*, ELTC, Malaysia, 2011.

(BBT nhận bài: 19/12/2014, phản biện xong: 03/01/2015)